

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 4559/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-09-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Bé
- Ông Trần Đăng Vạn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn T – Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1404/2024/HNGĐ ngày 07/6/2024 về việc tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6050/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 6400/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Hồ Thị Mỹ D1, sinh năm: 1974

Địa chỉ: G Đường E, chợ Đ nông sản T, Khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: ông Hà Minh C1, sinh năm: 1964

Hộ khẩu thường trú: 2 X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Cư trú: 866/2/5/4A Q, Khu phố B (nay là Khu phố C), phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện nộp ngày 24/5/2024, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ D1 trình bày:

Bà và ông Hà Minh C1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số R, quyển số R1, ngày **/**/2004. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần và vợ chồng cũng đã cố hàn gắn nhưng không được. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ 2017, không ai quan tâm đến ai trong cuộc sống nữa. Hiện nay, bà không còn tình cảm với ông C1 nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông C1.

Về con chung: bà và ông C1 có 02 con chung tên Hà Minh N, sinh năm 2004 (đã trưởng thành) và Hà Thị Minh T2, sinh ngày 23/10/2008. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Minh T2 và không yêu cầu ông C1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Hà Minh C1: Dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Bà D1 có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: yêu cầu được ly hôn với ông C1; Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Minh T2 và không yêu cầu ông C1 cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có.

- Ông C1 vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao con chung Minh T2 cho bà D1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà D1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà D1 yêu cầu ly hôn ông C1 và ông C1 cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Bà D1 có đơn xin xét xử vắng mặt và ông C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D1 và ông C1.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số R, quyền số R1, ngày **/**/2004 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thì quan hệ hôn nhân giữa bà D1 và ông C1 là hợp pháp.

Bà D1 xác định vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần và vợ chồng cũng đã cố hàn gắn nhưng không được. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ 2017, không ai quan tâm đến ai trong cuộc sống nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà D1 yêu cầu được ly hôn với ông C1.

Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông C1 không đến tòa, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thể hiện sự bỏ mặc, không mong muốn vợ chồng hàn gắn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà D1 và ông C1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 19, Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Hồ Thị Mỹ D1 được ly hôn với ông Hà Minh C1.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số X, quyền số X1/2004, ngày **/**/2004 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy khai sinh số Q, quyền số Q1, ngày **/**/2008 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của bà D1 thì có đủ căn cứ xác định bà D1 và ông C1 có 02 người con chung tên 02 con chung tên Hà Minh N, sinh năm 2004 (đã trưởng thành) và Hà Thị Minh T2 ngày 23/10/2008

Xét bà D1 hiện đang nuôi dưỡng con chung Minh T2 và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; Ông C1 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần

nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà D1. Đồng thời, tại bản trình bày nguyện vọng ngày 24/6/2024, con chung Minh T2 cũng có nguyện vọng tiếp tục được ở với bà D1. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung Minh T2 cho bà D1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà D1 không yêu cầu ông C1 cấp dưỡng nuôi con Minh T2, đây là sự tự nguyện của bà D1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà D1 xác định các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà D1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà D1 phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Mỹ D1 được ly hôn với ông Hà Minh C1.

2. Về con chung: Bà Hồ Thị Mỹ D1 và ông Hà Minh C1 có 02 con chung tên Hà Minh N, sinh năm 2004 (đã trưởng thành) và Hà Thị Minh T1 ngày 23/10/2008

Bà Hồ Thị Mỹ D1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hà Thị Minh T2 và ông Hà Minh C1 không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không

ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Hồ Thị Mỹ D1 chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0027379 ngày 07/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồ Thị Mỹ D1 đã nộp đủ án phí.

6. Giấy chứng nhận kết hôn số R, quyển số R1, ngày **/**/2004 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Hồ Thị Mỹ D1 và ông Hà Minh C1 không còn giá trị pháp lý.

7. Bà Hồ Thị Mỹ D1 và ông Hà Minh C1 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Quỳnh